

Số: 2101-2025/CBTT-HAH

Hà Nội, ngày 24 tháng 01 năm 2025

CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP. HCM

- Tên tổ chức : CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN
- Mã chứng khoán : HAH
- Địa chỉ : Tầng 7, số 45, Phố Triệu Việt Vương, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
- Điện thoại : 024.39877515
- Fax : 024.39444022
- Email : info@haiants.vn

2. Nội dung thông tin công bố:

"Báo cáo tài chính quý IV năm 2024" của Công ty cổ phần vận tải và xếp dỡ Hải An.

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 24/01/2025 tại đường dẫn www.haiants.vn.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm:

- Báo cáo tài chính quý IV năm 2024

Người được ủy quyền công bố thông tin



Nguyễn Ngọc Minh

Số: 19.01 -2025/CV-HATS
No. 19.01-2025/CV-HATS

Hà Nội, ngày 24 tháng 01 năm 2025
Hanoi, 24 January 2025

BẢN GIẢI TRÌNH CHÊNH LỆCH KQKD QUÝ 4 NĂM 2024
EXPLANATION OF DIFFERENCE IN BUSINESS RESULTS IN THE 4TH QUARTER
OF 2024

Kính gửi/Dear:

- Ủy ban chứng khoán nhà nước
- State Securities Commission of Vietnam
- Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh
- Ho Chi Minh Stock Exchange

Tổ chức niêm yết: Công ty Cổ phần vận tải và xếp dỡ Hải An

Listed organization: Hai An Transport and Stevedoring JSC

Địa chỉ: Tầng 7 số 45 phố Triệu Việt Vương, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng,
Hà Nội.

Address: 7th floor, No.45, Trieu Viet Vuong Str., Nguyen Du Wd., Hai Ba Trung Dis.,
Hanoi

Mã chứng khoán: **HAH**

Securities code: **HAH**

Giấy chứng nhận đăng ký doanh số 0103818809 do Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 08/05/2009 và cấp thay đổi lần thứ 17 ngày 05/07/2024.

Business Registration Certificate np. 0103818809 granted by Hanoi Authority for Planning and Investment, the 1st registration dated 08 May 2009, the 17th amendment registration dated 05 July 2024.

Chúng tôi xin giải trình kết quả kinh doanh Quý 4 năm 2024 biến động tăng/giảm hơn 10% so với cùng kỳ năm 2023 như sau:

We would like to explain the business results of the 4th quarter of 2024, which increased/decreased by more than 10% compared to the same period in 2023 as follows:

Nội dung/ Content	Đơn vị tính/ Unit	Quý 4.2024/ 4 th quarter of 2024	Quý 4.2023/ 4 th quarter of 2023	Chênh lệch tăng/giảm Increase/Decrease
BCTC công ty mẹ/ FS of Holding Company				
- Doanh thu thuần/ Net revenue	đồng/ VND	532,900,314,299	285,592,398,701	86.59%
- Lợi nhuận sau thuế công ty mẹ/ Profit after tax	đồng/ VND	217,441,306,608	76,579,643,356	183.94%

Nguyên nhân dẫn đến KQKD quý 4 năm nay tăng 183.94% so với quý 4 năm trước/
Reasons leading to 183.94% increase in business results of the 4th quarter of current year compared to previous period:

+ Thêm 04 tàu vào khai thác sử dụng (Alfa, Beta, Opus, Gama), sản lượng vận tải và giá cước vận tải quý 4 năm nay tăng dẫn đến doanh thu và lợi nhuận hoạt động khai thác tàu tăng mạnh. Số tàu cho thuê và giá cước cho thuê tàu tăng/ *With 4 more vessels put into operation (Alfa, Beta, Opus, Gama), the transport output and freight rates in the fourth quarter of current year increased, leading to a sharp increase in revenue and profit from vessel operations. The number of vessel for lease and the charter rates all increased.*

+ Kết quả kinh doanh của các công ty con, công ty liên kết đều tăng so với cùng kỳ năm trước/ *The business results of subsidiaries and associates all increased compared to the same period last year.*

Chúng tôi cam đoan những thông tin giải trình trong bản này là chính xác và cam kết tuân thủ các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

We guarantee that the information explained in this report is accurate and commit to comply with the provisions of the law on securities and the securities market.

Nơi nhận/ Recipients:

- Như trên/ *As above;*
- Lưu: HC, QHCD/ *Filed in Ad. & IR*

**CÔNG TY CP VẬN TẢI VÀ XÉP DỠ HẢI AN
HAI AN TRANSPORT AND STEVEDORING JSC**



TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Ngọc Louán



CÔNG TY CP VẬN TẢI VÀ XÉP DỠ HẢI AN

Tầng 7 số 45 phố Triệu Việt Vương, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2024



Tổng Giám đốc

Nguyễn Ngọc Tuấn

Kế toán trưởng

Trần Thị Thanh Hào

Hà Nội, tháng 01 năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2024

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1,086,628,479,223	1,236,175,555,108
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	589,817,476,977	131,305,891,161
1. Tiền	111		259,817,476,977	49,155,891,161
2. Các khoản tương đương tiền	112		330,000,000,000	82,150,000,000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		27,500,000,000	36,500,000,000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	27,500,000,000	36,500,000,000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		310,628,080,134	914,185,936,475
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	165,462,730,292	154,623,576,319
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	6,165,161,294	435,674,604,499
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5a	38,000,000,000	58,600,000,000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6a	139,000,188,548	265,452,589,269
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(38,000,000,000)	(164,833,612)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		21,993,464,669	29,016,455,017
1. Hàng tồn kho	141	V.7	21,993,464,669	29,016,455,017
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		136,689,457,443	125,167,272,455
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	13,105,073,337	9,175,487,543
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		123,584,384,106	115,991,784,912
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2024

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		4,749,872,162,369	2,970,356,124,497
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		150,843,150,000	187,157,700,000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215	V.5b	-	36,314,550,000
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.6b	150,843,150,000	150,843,150,000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		4,132,476,626,342	2,440,919,589,423
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	4,129,171,449,977	2,438,789,936,808
Nguyên giá	222		5,297,376,741,103	3,317,893,545,706
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1,168,205,291,126)	(879,103,608,898)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
Nguyên giá	225		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	3,305,176,365	2,129,652,615
Nguyên giá	228		8,316,325,236	6,541,325,236
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(5,011,148,871)	(4,411,672,621)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
Nguyên giá	231		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		119,691,000	11,988,744,472
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.11	119,691,000	11,988,744,472
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		419,078,791,894	269,671,693,766
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.2b	418,562,476,376	294,138,800,000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2b	1,494,000,000	1,494,000,000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2b	866,500	866,500
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.2b	(978,550,982)	(25,961,972,734)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		47,353,903,133	60,618,396,836
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	47,353,903,133	60,618,396,836
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		5,836,500,641,592	4,206,531,679,605

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2024

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		3,077,050,953,159	1,911,969,800,996
I. Nợ ngắn hạn	310		797,964,807,412	629,310,598,700
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	45,966,546,880	37,384,675,662
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	88,763,042,353	81,509,870,607
4. Phải trả người lao động	314		8,968,507,109	7,235,554,326
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	26,142,161,255	5,666,241,315
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.15	13,542,045,963	3,061,635,000
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16a	147,882,270,253	170,236,614,439
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17a	381,587,350,174	238,960,019,104
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.18	85,112,883,425	85,255,988,247
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		2,279,086,145,747	1,282,659,202,296
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.16b	677,391,000,000	625,218,000,000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.17b	1,601,695,145,747	657,441,202,296
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2024

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		2,759,449,688,433	2,294,561,878,609
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.19	2,759,449,688,433	2,294,561,878,609
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		1,213,430,910,000	1,055,168,810,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1,213,430,910,000	1,055,168,810,000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		191,640,648,159	191,640,648,159
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		702,697,070,809	554,816,070,809
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		651,681,059,465	492,936,349,641
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		152,288,249,641	492,936,349,641
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		499,392,809,824	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		5,836,500,641,592	4,206,531,679,605

Người lập biểu



Vũ Thị Thu Hằng

Kế toán trưởng



Trần Thị Thanh Hào

Lập, ngày 24 tháng 01 năm 2025

Tổng Giám đốc



Nguyễn Ngọc Tuấn

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	T. minh	Quý IV năm nay	Quý IV năm trước	Lấy kể từ đầu năm đến cuối kỳ này	
					Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	532,900,314,299	285,592,398,701	1,571,067,708,425	1,174,995,065,493
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		532,900,314,299	285,592,398,701	1,571,067,708,425	1,174,995,065,493
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	222,011,658,506	183,239,108,635	867,853,141,848	644,223,186,261
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		310,888,655,793	102,353,290,066	703,214,566,577	530,771,879,232
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	11,446,194,221	5,177,153,695	37,820,625,193	54,342,387,890
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	(1,897,197,430)	7,517,192,376	48,648,251,167	54,489,737,958
Trong đó: chi phí lãi vay	23		25,036,739,519	9,059,325,790	69,672,862,869	40,535,205,448
8. Chi phí bán hàng	25		-	-	-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	54,156,425,871	8,410,304,772	83,990,454,889	30,247,628,388
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		270,075,621,573	91,602,946,613	608,396,485,714	500,376,900,776
11. Thu nhập khác	31	VI.6	682,167,761	(672,792,050)	3,912,914,440	851,937,855
12. Chi phí khác	32	VI.7	102,120,067	16,939,719	3,141,313,269	550,304,492
13. Lợi nhuận khác	40		580,047,694	(689,731,769)	771,601,171	301,633,363
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		270,655,669,267	90,913,214,844	609,168,086,885	500,678,534,139
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.13	53,214,362,659	14,333,571,488	109,775,277,061	81,082,845,615
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		217,441,306,608	76,579,643,356	499,392,809,824	419,595,688,524

Người lập biểu

Vũ Thị Thu Hằng

Kế toán trưởng

Trần Thị Thanh Hào

Lập, ngày 21 tháng 01 năm 2025

Tổng Giám đốc



Nguyễn Ngọc Tuấn

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2024

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh		
		Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	609,168,086,885	500,678,534,139
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	243,009,399,846	162,218,965,474
- Các khoản dự phòng	03	12,851,744,636	11,775,256,505
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	4,996,659,601	(101,490,305)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(36,172,820,700)	(51,786,835,662)
- Chi phí lãi vay	06 VI.4	69,672,862,869	40,535,205,448
- Các khoản điều chỉnh khác	07	-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	903,525,933,137	663,319,635,599
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(41,514,903,681)	92,645,634,959
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	7,022,990,348	(10,046,345,226)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	178,813,345,310	125,535,386,177
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	52,014,531,365	(24,733,002,838)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	(66,918,271,024)	(41,458,463,095)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15 V.13	(112,018,418,436)	(141,735,874,409)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17 V.19	(34,648,104,822)	(12,877,982,400)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	886,277,102,197	650,648,988,767
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(1,601,463,269,952)	(831,640,424,734)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	9,350,533,706	818,181,818
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(26,000,000,000)	(66,314,550,000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	91,914,550,000	55,000,000,000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25 V.2b	-	(23,516,100,000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	17,902,122,048	65,518,586,876
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(1,508,296,064,198)	(800,134,306,040)

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2024

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết		Năm nay	Năm trước
	số	minh		
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.17	1,416,061,814,338	494,431,210,178
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.17	(331,084,206,483)	(342,549,644,653)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		15,960,000	(585,200,000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40		<u>1,084,993,567,855</u>	<u>151,296,365,525</u>
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</i>	50		462,974,605,854	1,811,048,252
<i>Tiền và tương đương tiền đầu năm</i>	60	V.1	131,305,891,161	129,438,097,542
<i>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ</i>	61		(4,463,020,038)	56,745,367
<i>Tiền và tương đương tiền cuối năm</i>	70	V.1	<u>589,817,476,977</u>	<u>131,305,891,161</u>

Người lập biểu

Vũ Thị Thu Hằng

Kế toán trưởng

Trần Thị Thanh Hào

Lập, ngày 24 tháng 01 năm 2025

Tổng Giám đốc



Nguyễn Ngọc Tuấn

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2024

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An (sau đây gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Cho thuê bãi, bốc xếp hàng hóa cảng biển, vận tải biển.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Công ty

Các Công ty con

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty TNHH Cảng Hải An	Tầng 1, tòa nhà Hải An, Km 2 đường Đinh Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng	Cung cấp dịch vụ cảng biển	100%	100%	100%
Công ty TNHH Vận tải Container Hải An	Tầng 5, tòa nhà Hải An, Km 2 đường Đinh Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng	Dịch vụ vận tải	50,5%	50,5%	50,5%
Công ty TNHH Pan Hải An	Tầng 6, tòa nhà Hải An, Km 2 đường Đinh Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng	Dịch vụ khai thác Depot	51%	51%	51%
Công ty TNHH Liên doanh Zim Hải An	Tầng 02, Tòa nhà Đinh Vũ Plaza thuộc Khu dịch vụ cuối tuyến Đinh Vũ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương	51%	51%	51%
Công ty Cổ phần Dịch vụ Cảng Lưu Nguyên Cái Mép	Tổ 13, Khu phố Thị vải, Phường Mỹ Xuân, Thị Xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu	Cung cấp dịch vụ cảng biển	51,54%	51,54%	51,54%

Công ty liên kết

Công ty chỉ đầu tư vào 01 Công ty liên kết là Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An có trụ sở chính tại Văn phòng 3B, tầng 3, tòa B, tòa nhà Green Pearl, số 378 Minh Khai, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội. Hoạt động kinh doanh chính của công ty liên kết này là vận tải hàng hóa. Tại thời điểm cuối kỳ kế toán, tỷ lệ vốn góp của Công ty tại công ty liên kết này là 36,16%, tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ phần sở hữu tương đương với tỷ lệ vốn góp.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2024

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho là nguyên vật liệu được xác định bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp nhập trước, xuất trước và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Riêng đối với nhiên liệu xuất dùng cho tàu được tính theo phương pháp bình quân gia quyền sau mỗi lần nhập.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là công cụ dụng cụ, chi phí sửa chữa tài sản cố định và chi phí lên đà tàu, chi phí bảo hiểm. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định và chi phí lên đà tàu

Chi phí sửa chữa tài sản cố định và chi phí lên đà tàu phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm.

Chi phí bảo hiểm

Chi phí bảo hiểm trả trước là tiền phí bảo hiểm đã trả cho các kỳ sau. Chi phí bảo hiểm trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian bảo hiểm.

8. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phân ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2024

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh tại thành phố Hồ Chí Minh – Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An	Số 217 Nguyễn Văn Thủ, phường Đa Kao, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An tại Bà Rịa – Vũng Tàu	Khu A, lô 17 khu nhà ở Phú Mỹ, thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của kỳ này.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty có 81 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 77 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2024

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn chỉ bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết

Công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2024

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp của Công ty tại công ty con, công ty liên kết. Nếu công ty con, công ty liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2024

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05-20
Máy móc, thiết bị	03-10
Phương tiện vận tải truyền dẫn	06-15
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03-05
Tài sản cố định hữu hình khác	04-10

10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 35 năm.

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 3 đến 5 năm.

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

12. Hợp đồng hợp tác kinh doanh

Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát

Công ty ghi nhận trên Báo cáo tài chính các hợp đồng hợp tác kinh doanh dưới hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát các nội dung sau:

- Giá trị tài sản mà Công ty hiện sở hữu.
- Các khoản nợ phải trả mà Công ty phải gánh chịu.
- Doanh thu được chia từ việc bán hàng hóa hoặc cung cấp dịch vụ của liên doanh.
- Các khoản chi phí phải gánh chịu.

13. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2024

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

14. Trái phiếu

Trái phiếu chuyển đổi

Trái phiếu chuyển đổi là trái phiếu có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông của tổ chức phát hành theo các điều kiện đã được xác định trong phương án phát hành.

Trái phiếu chuyển đổi do Công ty phát hành là loại trái phiếu có thể chuyển đổi thành một lượng cổ phiếu không xác định tại ngày đáo hạn (do phụ thuộc vào giá trị thị trường của cổ phiếu tại ngày đáo hạn), do đó, được kế toán như trái phiếu thường, theo quy định tại Điều 59, Thông tư 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp.

Giá trị ghi sổ của trái phiếu được phản ánh theo mệnh giá. Công ty không phát sinh các khoản chiết khấu trái phiếu hoặc phụ trội trái phiếu.

Chi phí phát hành trái phiếu được phân bổ dần phù hợp với kỳ hạn trái phiếu theo phương pháp đường thẳng và ghi nhận vào chi phí tài chính hoặc vốn hóa.

15. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

16. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2024

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

17. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

18. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

19. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

20. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp chỉ bao gồm thuế thu nhập hiện hành, là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

21. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

22. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2024

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	636,908,738	326,671,913
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	259,180,568,239	48,829,219,248
Các khoản tương đương tiền	330,000,000,000	82,150,000,000
- Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng	330,000,000,000	82,150,000,000
Cộng	589,817,476,977	131,305,891,161

2. Các khoản đầu tư tài chính

2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (ngắn hạn)

Là tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng đến dưới 12 tháng tại các Ngân hàng thương mại.

2b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư vào công ty con	418,562,476,376	(978,550,982)	294,138,800,000	(25,961,972,734)
	30,000,000			
Công ty TNHH Cảng Hải An	0,000		30,000,000,000	
Công ty TNHH Vận tải Container Hải An	101,000,000,000		101,000,000,000	
Công ty TNHH Pan Hải An	139,622,700,000	-	139,622,700,000	(2,445,872,734)
Công ty TNHH Liên doanh Zim Hải An	23,516,100,000	-	23,516,100,000	(23,516,100,000)
Công ty Cổ phần Dịch vụ Cảng Lưu Nguyên Cái Mép	124,423,676,376	(978,550,982)		
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	1,494,000,000	-	1,494,000,000	-
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An	1,494,000,000		1,494,000,000	
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	866,500	-	866,500	-
Công ty Cổ phần Cung ứng và Dịch vụ Kỹ thuật Hàng hải	864,000		864,000	
Công ty Cổ phần MHC	2,500		2,500	
Cộng	420,057,342,876	(978,550,982)	295,633,666,500	(25,961,972,734)

Số lượng cổ phần nắm giữ và tỷ lệ sở hữu của Công ty tại các đơn vị như sau:

Tên Công ty	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu
Công ty TNHH Cảng Hải An		100,00%		100,00%
Công ty TNHH Vận tải Container Hải An		50,50%		50,50%
Công ty TNHH Pan Hải An		51,00%		51,00%
Công ty TNHH Liên doanh Zim Hải An		51,00%	-	51,00%

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2024

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tên Công ty	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu
Công ty Cổ phần Dịch vụ Cảng Lưu Nguyên Cái Mép	4.638.600	51,54%		
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An	1.553.760	36,16%	1.553.760	36,16%

Tình hình hoạt động của công ty con, công ty liên kết
Các công ty con và công ty liên kết đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

Giá trị hợp lý

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không có giá niêm yết.

Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	25,961,972,734	14,186,716,229
Trích lập dự phòng bổ sung	978,550,982	11,775,256,505
Hoàn nhập dự phòng	(25,961,972,734)	-
Số cuối kỳ	978,550,982	25,961,972,734

Giao dịch với công ty con, công ty liên kết

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty với các công ty con và công ty liên kết như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH Cảng Hải An		
Thuê văn phòng của công ty mẹ	2,579,851,171	2,625,625,303
Sử dụng dịch vụ quản lý Cảng của Công ty con	68,111,000,000	48,093,148,168
Sử dụng dịch vụ quản lý tòa nhà của Công ty con	984,000,000	984,000,000
Sử dụng dịch vụ cấp nước ngọt của Công ty con	331,590,000	279,090,000
Doanh thu khai thác Cảng Công ty con thu hộ	343,472,562,101	257,098,489,992
Công ty con chỉ trả lợi nhuận	10,000,000,000	
Công ty con chia lợi nhuận	25,340,321,896	20,736,098,835
Công ty TNHH Vận tải Container Hải An		
Cho Công ty con thuê văn phòng	1,199,677,571	1,195,572,041
Cho Công ty con thuê tàu	616,674,409,224	325,571,590,805
Giao lại dầu tồn trên tàu cho Công ty con	12,761,731,199	57,250,215,314
Cung cấp dịch vụ khác cho Công ty con	8,129,922,048	30,813,486,221
Bán tài sản cố định, công cụ, dụng cụ cho Công ty con	8,000,000,000	1,263,636,363
HACT cung cấp dịch vụ cho Công ty mẹ	67,224,597,280	53,119,607,510
Nhận lại dầu tồn của Công ty con	10,845,430,880	53,507,407,830
HATS chi trả lãi BCC	68,090,023,821	
HACT chi trả lãi BCC	3,132,933,933	
HACT chi hộ	1,526,993,955	
Công ty con chia lợi nhuận		20,200,000,000
Nhận vốn góp theo hợp đồng BCC từ công ty con		105,913,500,000
Chia lợi nhuận BCC cho Công ty con	53,657,392,447	68,090,023,821
Nhận lợi nhuận BCC từ Công ty con	26,614,900,644	3,099,330,094
Công ty TNHH Pan Hải An		
Cung cấp dịch vụ cho Công ty con	1,494,681,000	1,931,060,000

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2024

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Sử dụng dịch vụ của Công ty con	2,455,763,424	1,421,594,819
Thuê xe nâng của Công ty con		1,500,000,000
Cho Công ty con vay		
Thu gốc cho vay từ Công ty con	8,600,000,000	25,000,000,000
Lãi cho Công ty con vay	505,680,000	1,166,000,000
Công ty TNHH Liên doanh Zim Hải An		
Góp vốn vào Công ty con		23,516,100,000
Công ty con trả gốc vay	36,314,550,000	
Cho Công ty con thuê văn phòng	337,282,002	307,708,786
Cho Công ty con thuê tàu	12,681,351,139	61,011,443,534
Giao lại dầu tồn trên tàu cho Công ty con		20,486,487,208
Cung cấp dịch vụ khác cho Công ty con	16,145,568,172	8,082,277,366
Nhận lại dầu tồn của Công ty con	4,033,008,684	13,707,964,619
Chi hộ Công ty con		1,938,648,872
Cho công ty con vay		36,314,550,000
Lãi cho Công ty con vay	1,787,317,634	633,304,574
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An (HAFC)		
Cung cấp dịch vụ cho Công ty liên kết	304,643,713	247,626,325
HAFC chia cổ tức	1,553,760,000	2,988,000,000
HATS chi trả lãi BCC	11,492,203,539	
Nhận vốn góp theo hợp đồng BCC từ công ty liên kết		9,885,260,000
Chia lợi nhuận BCC cho Công ty liên kết	8,357,231,716	11,492,203,539

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu các bên liên quan	154,266,915,461	143,933,348,226
Công ty TNHH Cảng Hải An	39,535,842,664	48,868,710,999
Công ty TNHH Vận tải Container Hải An	111,022,213,535	60,336,029,112
Công ty TNHH Pan Hải An	343,880,527	876,169,544
Công ty TNHH Liên doanh Zim Hải An		31,422,556,613
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An	130,818,504	49,758,007
Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An	1,845,629,101	1,686,932,596
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa Phương Thức		15,531,600
Chi nhánh Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa Phương Thức tại Hải Phòng	1,388,531,130	677,659,755
Phải thu các khách hàng khác	11,195,814,831	10,690,228,093
Các khách hàng khác	11,195,814,831	10,690,228,093
Cộng	165,462,730,292	154,623,576,319

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trả trước cho các bên liên quan	-	-
Trả trước cho người bán khác	6,165,161,294	435,674,604,499
Huanghai Shipbuilding Co., Ltd. (*)		434,925,760,600
Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển HDT	891,000,000	
Công Ty TNHH TM, vận tải và du lịch Quốc tế Vitra	4,080,516,000	
Các nhà cung cấp khác	1,193,645,294	748,843,899
Cộng	6,165,161,294	435,674,604,499

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2024

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- (*) Tạm ứng theo giai đoạn cho 03 hợp đồng đóng mới 03 tàu container tải trọng 1.800 TEU. Công ty đã nhận bàn giao tàu Hải An Afla vào cuối năm 2023, tàu Hải An Beta vào tháng 05 năm 2024 và tàu Hải An Opus vào tháng 07 năm 2024.

5. Phải thu về cho vay

5a. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	-	8,600,000,000
Cho Công ty TNHH Pan Hải An-Bên liên quan		8,600,000,000
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	38,000,000,000	50,000,000,000
Cho Ông Lê Phong Hiếu (i)	38,000,000,000	50,000,000,000
Cộng	38,000,000,000	58,600,000,000

- (i) Cho vay Ông Lê Phong Hiếu để nộp tiền thuê đất 1 lần cho Dự án "Bãi container và dịch vụ cảng" tại xã Phước Hòa, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu mà hiện nay hai bên đang hợp tác. Thời hạn vay 6 tháng, nợ gốc và lãi được trả 1 lần vào ngày đến hạn. Khoản vay đầu tiên phát sinh từ ngày 12 tháng 5 năm 2020. Khoản vay được thế chấp bằng quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận số CC481398. Đến ngày 31/12/2024, Ông Lê Phong Hiếu đã trả được 10 tỷ gốc vay, phần còn lại tiếp tục xin gia hạn đến khi Dự án được chuyển nhượng.

5b. Phải thu về cho vay dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	-	36,314,550,000
Cho Công ty TNHH Liên doanh Zim Hải An		36,314,550,000
Cộng		36,314,550,000

6. Phải thu khác

6a. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ Giá trị	Số đầu năm Giá trị
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	104,202,397,115	61,739,498,158
Công ty TNHH Cảng Hải An - Lợi nhuận được chia	22,438,026,249	7,097,704,353
Phải thu về kết quả hoạt động BCC	81,738,106,676	54,502,040,774
Công ty TNHH Vận tải Container Hải An	26,614,900,644	3,132,933,933
Công ty Cổ phần Vận tải biển An Biên	55,123,206,032	51,369,106,841
Các khoản chi hộ	26,264,190	139,753,031
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	34,797,791,433	203,713,091,111
Tam ứng	1,385,207,300	4,121,500,000
Đặt cọc để chuyển nhượng dự án (i)		124,423,676,376
Ký cược, ký quỹ	212,257,500	141,470,000
Tạm tính doanh thu	170,890,014	
Chi phí tổn thất sự cố tàu Hai An City chờ bồi thường (ii)	31,231,275,685	73,925,261,495
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	1,798,160,934	1,101,183,240
Cộng	139,000,188,548	265,452,589,269

- (i) Là khoản đặt cọc cho các cá nhân theo Hợp đồng đặt cọc ngày 06/12/2017 và Phụ lục hợp đồng ngày 07/5/2018 để tiến tới ký kết hợp đồng nhận chuyển nhượng 90% quyền đầu tư Dự án "Bãi container và dịch vụ cảng" tại xã Phước Hòa, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Dự án "Bãi container và dịch vụ cảng" đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cho phép chuyển hình thức từ thuê đất trả tiền hàng năm sang thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê còn lại với diện tích 310.507,9 m² theo Quyết định số 238/QĐ-UBND ngày 14/4/2019 và cấp Giấy chứng nhận QSD đất,

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2024

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số BN 981472 ngày 29/5/2020. Theo hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 01/HDCNCP ký ngày 31/03/2024 giữa Ông Lê Phong Hiếu và Công ty Cổ phần vận tải và xếp dỡ Hải An, khoản đặt cọc này đã được chuyển thành cổ phần tại Công ty Cổ phần Dịch vụ cảng Lưu Nguyễn Cái Mép.

(ii) Chi tiết chi phí khắc phục sự cố, sửa chữa tàu Hai An City như sau:

	<u>Số tiền</u>
Chi phí Công ty đã chi trả	199.933.564.212
Bảo hiểm tạm ứng tiền bồi thường	(109.742.507.007)
Ước tính chi phí tổn thất không được bồi thường (25%/tổng chi phí)	(50.000.000.000)
Chi phí tổn thất chung nhận phân chia từ MCO (*)	9.679.828.710
Thu hồi phí tổn thất chung từ chủ hàng, chủ container theo phân chia GA	<u>(18.639.610.230)</u>
Số còn lại chờ bồi thường	<u>31.231.275.685</u>

(*) Ngày 28/6/2024 Công ty nhận được chi phí tổn thất chung phân chia từ Marine Claims Office Of Asian (MCO) số tiền 384.235 USD, tương ứng 9.679.828.710 VND.

Trong Quý IV năm 2024, Công ty thu hồi phí tổn thất chung từ chủ hàng, chủ container theo phân chia GA số tiền 1.521.957.779 VND. Đồng thời ngày 28/11/2024, Công ty đã nhận được số tiền bảo hiểm PVI bồi thường theo GA là 33.734.204.290 VND. Công ty đang tiếp tục làm việc với MCO và Tổng Công ty bảo hiểm PVI để thu hồi số tiền được bồi thường theo GA.

6b. Phải thu dài hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
	<u>Giá trị</u>	<u>Giá trị</u>
Phải thu các bên liên quan	150,769,150,000	150,769,150,000
Công ty TNHH Vận tải Container Hải An (i)	70,000,000,000	70,000,000,000
Công ty Cổ phần Vận tải biển An Biên (ii)	80,769,150,000	80,769,150,000
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	74,000,000	74,000,000
Ký cược, ký quỹ	74,000,000	74,000,000
Cộng	<u>150,843,150,000</u>	<u>150,843,150,000</u>

Phải thu các bên kiểm soát về tiền vốn hợp tác kinh doanh để khai thác tàu. Theo các hợp đồng hợp tác kinh doanh, các bên cam kết cùng hợp tác góp vốn mua tàu, giao tài sản góp vốn và toàn bộ tài sản dự án cho bên kiểm soát và đồng ý để bên kiểm soát đứng tên đăng ký sở hữu, tổ chức kinh doanh, khai thác cho thuê tàu có hiệu quả. Các bên cùng phân chia lợi nhuận và gánh chịu mọi tổn thất và rủi ro (nếu có) từ hoạt động kinh doanh, khai thác tàu theo tỷ lệ góp vốn và theo các điều kiện và điều khoản của hợp đồng và quy định của pháp luật hiện hành. Số tiền góp vốn và tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các Hợp đồng hợp tác kinh doanh như sau:

Hợp tác kinh doanh với Công ty TNHH Vận tải Container Hải An. Thời hạn hợp tác của hợp đồng là đến khi các bên hoàn thành hết nghĩa vụ theo quy định trong hợp đồng:

	<u>Số tiền</u>	<u>Tỷ lệ vốn góp (%)</u>
(i) Hợp đồng 48-HĐHTKD (ngày 18/4/2017) và Phụ lục số 01 (ngày 05/04/2022)	45.000.000.000	56,25%
Hợp đồng 0101-2021/BCC-HACT (ngày 11/01/2021)	25.000.000.000	25,00%
Cộng	<u>70.000.000.000</u>	

(ii) Hợp tác kinh doanh với Công ty Cổ phần Vận tải biển An Biên theo hợp đồng hợp tác kinh doanh số 0122/HĐHTKD ngày 24/01/2022. Số tiền góp vốn của Công ty trong Hợp đồng hợp tác kinh doanh là

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2024

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

80.769.150.000 VND (tỷ lệ góp vốn là 31,5%). Thời hạn hợp tác đến khi các bên hoàn thành hết nghĩa vụ theo quy định trong hợp đồng.

7. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ Giá gốc	Số đầu năm Giá gốc
Nguyên liệu, vật liệu	21,343,523,929	28,357,848,857
Công cụ, dụng cụ	649,940,740	658,606,160
Cộng	21,993,464,669	29,016,455,017

8. Chi phí trả trước

8a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí công cụ, dụng cụ	163,333,332	3,345,066,749
Chi phí bảo hiểm	4,355,747,741	5,194,761,663
Chi phí dầu nhờn	8,148,424,171	84,122,500
Phí sử dụng đường bộ	38,122,810	64,000,000
Chi phí thuê văn phòng		487,536,631
Các chi phí khác	399,445,283	
Cộng	13,105,073,337	9,175,487,543

8b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí công cụ, dụng cụ	16,301,688	73,665,000
Chi phí sửa chữa tài sản	4,370,426,782	10,297,031,352
Phí sửa chữa lên đà tàu	42,878,878,148	50,247,700,484
Các chi phí khác	88,296,515	
Cộng	47,353,903,133	60,618,396,836

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2024

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	300,572,380,990	323,906,940,254	2,669,191,489,562	3,301,364,546	20,921,370,354	3,317,893,545,706
Mua trong năm		23,589,636,000	1,984,861,182,470			2,008,450,818,470
Đầu tư XDCB hoàn thành			(3,476,394,817)		(20,843,870,354)	(24,320,265,171)
Thanh lý, nhượng bán			(4,647,357,902)			(4,647,357,902)
Giảm khác do quyết toán			4,645,928,919,313			5,297,376,741,103
Số cuối kỳ	300,572,380,990	347,496,576,254	4,645,928,919,313	3,301,364,546	77,500,000	5,297,376,741,103
Trong đó:						
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	161,514,479,363	284,425,065,896	417,489,080,275	1,006,774,089	14,668,209,275	879,103,608,898
Khấu hao trong kỳ	17,116,758,156	15,491,698,516	273,545,921,814	841,808,772	5,603,191	307,001,790,449
Thanh lý, nhượng bán			(3,303,795,755)		(14,596,312,466)	(17,900,108,221)
Số cuối kỳ	178,631,237,519	299,916,764,412	687,731,206,334	1,848,582,861	77,500,000	1,168,205,291,126
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	139,057,901,627	39,481,874,358	2,251,702,409,287	2,294,590,457	6,253,161,079	2,438,789,936,808
Số cuối kỳ	121,941,143,471	47,579,811,842	3,958,197,712,979	1,452,781,685	-	4,129,171,449,977

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 4.074.987.162.206 VND đã được thế chấp, cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay của các ngân hàng và tổ chức tín dụng.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2024

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**10. Tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	4,945,015,236	1,596,310,000	6,541,325,236
Mua trong kỳ		1,775,000,000	1,775,000,000
Tạo ra từ nội bộ Công ty			
Tặng khác (ghi cụ thể)			
Thanh lý, nhượng bán			
Giảm khác (ghi cụ thể)			
Số cuối kỳ	4,945,015,236	3,371,310,000	8,316,325,236

Trong đó:

Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	2,815,362,621	1,596,310,000	4,411,672,621
Khấu hao trong kỳ	141,286,152	458,190,098	599,476,250
Số cuối kỳ	2,956,648,773	2,054,500,098	5,011,148,871
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	2,129,652,615		2,129,652,615
Số cuối kỳ	1,988,366,463	1,316,809,902	3,305,176,365

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ	Kết chuyển giảm khác	Số cuối kỳ
Mua sắm tài sản cố định	11,315,650,857	1,987,033,079,257	(1,986,636,182,470)	(11,712,547,644)	
Xây dựng cơ bản dở dang	90,454,545	6,878,973,064	-	(6,969,427,609)	
Sửa chữa lớn tài sản cố định	582,639,070	23,534,700,133	-	(23,997,648,203)	119,691,000
Cộng	11,988,744,472	2,017,446,752,454	(1,986,636,182,470)	(42,679,623,456)	119,691,000

12. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	1,734,748,835	1,075,188,754
Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Hải An	1,734,748,835	1,024,004,638
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà		51,184,116
Phải trả các nhà cung cấp khác	44,231,798,045	36,309,486,908
Công ty TNHH Thương mại Tân Hồng	3,532,221,745	3,532,221,745
Baseblue (Asia) Limited		11,874,576,648
Công ty cổ phần Việt Đức	6,585,714,085	3,836,237,631
CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ TÀU VÀ DỊCH VỤ HÀNG HẢI ĐẠI DƯƠNG	2,951,552,781	
Công ty cổ phần thương mại và dịch vụ Vosco	3,447,764,584	
CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ HÀNG HẢI NHẬN BIÊN VIỆT NAM	2,324,593,938	
Các nhà cung cấp khác	25,389,950,912	17,066,450,884
Cộng	45,966,546,880	37,384,675,662

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2024

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ	
		Số phải nộp	Số đã thực nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	87,709,664	437,158,079	(408,169,952)	116,697,791	
Thuế GTGT hàng nhập khẩu		53,752,434,838	(53,752,434,838)		
Thuế thu nhập doanh nghiệp	80,417,326,029	119,369,095,023	(112,018,418,436)	87,768,002,616	
Thuế thu nhập cá nhân	1,004,834,914	6,388,001,035	(6,514,717,682)	878,118,267	
Tiền thuế đất		2,934,092,524	(2,934,092,524)		
Thuế bảo vệ môi trường		376,268,000	(376,268,000)		
Thuế môn bài		5,000,000	(5,000,000)		
Thuế xuất, nhập khẩu Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác		419,875,352	(419,875,352)	223,679	
Cộng	81,509,870,607	185,500,194,397	(178,247,022,651)	88,763,042,353	

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Xếp dỡ cho các tàu nước ngoài, cước biển, cước tàu chạy nước ngoài 0%
- Cung cấp nước ngọt 5%
- Các hoạt động vận tải, xếp dỡ khác 8-10%

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Hoạt động khai thác cảng của Công ty được hưởng thuế suất ưu đãi 10% trong thời hạn mười lăm năm (15 năm) từ năm đầu doanh nghiệp có doanh thu từ hoạt động được hưởng ưu đãi thuế (năm 2011) theo Điểm 3 phần B, điểm 1.3 và điểm 6 mục II phần H Thông tư 130/2008/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 26 tháng 12 năm 2008.

Thời hạn ưu đãi: Miễn thuế TNDN 04 năm kể từ năm 2011, giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo (từ năm 2015 đến năm 2023).

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	609,168,086,885	500,678,534,139
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	46,675,398,916	8,576,874,373
- Các khoản điều chỉnh tăng	46,675,398,916	8,576,874,373
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế	655,843,485,801	509,255,408,512
Thu nhập được miễn thuế	(26,894,081,896)	(43,924,142,835)
Lỗi các năm trước được chuyển	(10,137,197,378)	
Thu nhập tính thuế	618,812,206,527	465,331,265,677
Trong đó:		
Hoạt động khai thác cảng được hưởng ưu đãi	175,662,358,007	115,327,926,915
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2024

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông</i>	123,762,441,305	93,066,253,135
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp chênh lệch do áp dụng thuế suất khác thuế suất phổ thông</i>	(17,566,235,801)	(11,532,792,692)
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm</i>	-	(5,766,396,346)
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</i>	106,196,205,504	75,767,064,097
<i>Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước</i>	3,579,071,557	5,315,781,518
Tổng Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	109,775,277,061	81,082,845,615
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp hộ các bên hợp tác kinh doanh	30,567,223,045	43,380,101,316
Thuế thu nhập doanh nghiệp bên kiểm soát hợp tác kinh doanh nộp hộ	(20,973,405,083)	(13,978,839,384)
Tổng Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	119,369,095,023	110,484,107,547

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

14. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	26,142,161,255	5,666,241,315
Chi phí lãi vay phải trả	24,040,165,667	5,096,021,433
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	2,101,995,588	570,219,882
Cộng	26,142,161,255	5,666,241,315

15. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

Là doanh thu nhận trước tiền cho thuê tàu.

16. Phải trả khác

16a. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	108,215,187,349	148,911,565,971
Lãi Hợp đồng hợp tác kinh doanh	107,675,187,349	148,371,565,971
Công ty TNHH Vận tải Container Hải An	53,657,392,447	68,090,023,821
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An	8,357,231,716	11,492,203,539
Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An	7,487,477,911	5,932,312,746
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà	18,968,491,764	34,598,762,976
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa Phương thức	17,056,999,506	25,958,959,237
Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Á D.C	2,147,594,005	2,299,303,652
Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát	540,000,000	540,000,000
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>	39,667,082,904	21,325,048,468
Kinh phí công đoàn	323,482,579	216,079,755
Các khoản thu hộ SM Line Corporation	33,968,063,425	20,948,484,834
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	60,885,600	76,845,600
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	5,314,651,300	83,638,279
Cộng	147,882,270,253	170,236,614,439

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2024

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

16b. Phải trả dài hạn khác

Là khoản tiền nhận vốn góp theo các hợp đồng hợp tác kinh doanh (Hợp đồng BCC) số 66/HĐHTKD ngày 08/05/2019, số 68/HĐHTKD ngày 29/06/2020, số 02-2021/HKHTKD ngày 02/02/2021, số 03-2021/HĐHTKD ngày 25/11/2021, số 02-2022/HĐHTKD ngày 15/09/2022, số 01-2023/HĐHTKD ngày 23/10/2023 và số 01-2024/HĐHTKD ngày 15/05/2024, trong đó, Công ty là “Bên kiểm soát”. Các bên cam kết cùng hợp tác góp vốn mua tàu, giao tài sản góp vốn và toàn bộ tài sản dự án cho bên kiểm soát và đồng ý để bên kiểm soát đứng tên đăng ký sở hữu, tổ chức kinh doanh, khai thác cho thuê tàu có hiệu quả. Các bên cùng phân chia lợi nhuận và gánh chịu mọi tổn thất và rủi ro (nếu có) từ hoạt động kinh doanh, khai thác tàu theo tỷ lệ góp vốn và theo các điều kiện và điều khoản của Hợp đồng và quy định của pháp luật hiện hành. Thời hạn hợp tác của hợp đồng là đến khi các bên hoàn thành hết nghĩa vụ theo quy định trong hợp đồng.

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan - Vốn góp hợp tác kinh doanh BCC	627,391,000,000	575,218,000,000
Công ty TNHH Vận tải Container Hải An	334,513,500,000	334,513,500,000
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An	28,325,260,000	28,325,260,000
Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An	58,079,240,000	58,079,240,000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà	114,273,000,000	62,100,000,000
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa Phương thức	72,200,000,000	72,200,000,000
Công ty Cổ phần Vận tải biển An Biên	20,000,000,000	20,000,000,000
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	50,000,000,000	50,000,000,000
Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Á D.C	50,000,000,000	50,000,000,000
Cộng	677,391,000,000	625,218,000,000

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2024

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chi tiết số vốn góp theo các hợp đồng như sau:

Đơn vị tính: Triệu VND	Hợp đồng BCC số 66-2019		Hợp đồng BCC số 68-2020		Hợp đồng BCC số 02-2021		Hợp đồng BCC số 03-2021		Hợp đồng BCC số 02-2022		Hợp đồng BCC số 01-2023		Hợp đồng BCC số 01-2024		Tổng cộng
	(tàu Hải An Mind)		(tàu Hải An View)		(tàu Hải An West)		(tàu Hải An City)		(tàu Hải An Rose)		(tàu Hải An Alfa)		(tàu Hải An Opus)		
	Số tiền	Tỷ lệ	Số tiền	Tỷ lệ	Số tiền	Tỷ lệ	Số tiền	Tỷ lệ	Số tiền	Tỷ lệ	Số tiền	Tỷ lệ	Số tiền	Tỷ lệ	
Công ty góp	40.000	53,33%	30.000	30,00%	66.000	60,00%	127.000	52,48%	236.000	51,75%	186.298	56,88%	218.527	80,73%	903.825
Các bên khác góp	35.000	46,66%	70.000	70,00%	44.000	40,00%	115.000	47,51%	220.000	48,25%	141.218	43,12%	52.173	19,27%	677.391
Công ty TNHH Vận tải Container Hải An	10.000	13,33%	30.000	30,00%	33.000	30,00%	20.000	8,26%	135.600	29,74%	105.914	32,34%	-	-	334.514
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An	5.000	6,67%	5.000	5,00%	-	-	-	-	8.440	1,85%	9.885	3,02%	-	-	28.325
Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An	-	-	10.000	10,00%	-	-	10.000	4,13%	12.660	2,78%	25.419	7,76%	-	-	58.079
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà	10.000	13,33%	10.000	10,00%	11.000	10,00%	10.000	4,13%	21.100	4,63%	-	-	52.173	19,27%	114.273
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa Phương thức	10.000	13,33%	15.000	15,00%	-	-	5.000	2,07%	42.200	9,25%	-	-	-	-	72.200
Công ty Cổ phần Vận tải biển An Biên	-	-	-	-	-	-	20.000	8,26%	-	-	-	-	-	-	20.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Á D.C	-	-	-	-	-	-	50.000	20,66%	-	-	-	-	-	-	50.000
Cộng	75.000	100%	100.000	100%	110.000	100%	242.000	100%	456.000	100%	327.516	100%	270.700	100%	1.310.516

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾ DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2024

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**17. Vay****17a. Vay ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	Giá trị	Giá trị
<i>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>381,587,350,174</i>	<i>238,960,019,104</i>
<i>Vay ngắn hạn ngân hàng</i>	<i>62,000,602,075</i>	<i>59,741,828,002</i>
Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam) - Chi nhánh Hà Nội	62,000,602,075	59,741,828,002
<i>Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.33b)</i>	<i>319,586,748,099</i>	<i>179,218,191,102</i>
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng	236,046,678,000	169,155,031,102
Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam), Chi nhánh Hà Nội	83,540,070,099	
Ngân hàng TMCP Bảo Việt - Hội sở chính	-	10,063,160,000
Cộng	381,587,350,174	238,960,019,104

Công ty có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

- (i) Khoản vay Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam) - Chi nhánh Hà Nội theo thỏa thuận chung về tiện ích ngày 13 tháng 04 năm 2023 để tài trợ nhu cầu vốn lưu động, bao gồm nhưng không giới hạn dịch vụ thương mại, bao gồm chi phí thuê xe nâng và xe đầu kéo để khai thác cảng/kho, mua vật tư và thiết bị cho tàu và cảng, chi phí thuê công nhân bên ngoài với thời hạn tối đa là 04 tháng. Lãi suất cụ thể áp dụng với mỗi khoản vay sẽ được xác nhận dưới hình thức thông báo về khoản vay do Ngân hàng phát hành cho Công ty ngay sau khi giải ngân khoản vay hoặc sau mỗi lần xem xét lại lãi suất. Thời hạn duy trì hạn mức tiện ích theo thỏa thuận này là 12 tháng kể từ ngày của thỏa thuận và sẽ được tự động gia hạn nhiều lần và mỗi lần gia hạn với thời hạn 12 tháng trừ khi có thông báo khác đi từ Ngân hàng. Khoản vay không có tài sản đảm bảo.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	Vay ngắn hạn	Vay dài hạn đến hạn trả	Cộng
Số đầu năm	59,741,828,002	179,218,191,102	238,960,019,104
Số tiền vay phát sinh	145,824,527,158		145,824,527,158
Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn		323,462,344,145	323,462,344,145
Số tiền vay đã trả	(143,565,753,085)	(183,093,787,148)	(326,659,540,233)
Số cuối kỳ	62,000,602,075	319,586,748,099	381,587,350,174

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2024

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

17b. Vay dài hạn

	Số cuối kỳ Giá trị	Số đầu năm Giá trị
Vay dài hạn ngân hàng	1,110,175,115,445	657,441,202,296
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng (i)	724,960,762,000	652,409,632,296
Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam), Chi nhánh Hà Nội (ii)	385,214,353,445	-
Ngân hàng TMCP Bảo Việt - Hội sở chính	-	5,031,570,000
Trái phiếu chuyển đổi dài hạn (iii)	491,520,030,302	
Công ty TNHH Quản lý quỹ SSI	80,000,000,000	
Daiwa - Ssiam Vietnam Growth Fund III L.P	113,000,000,000	
Japan South East Asia Finance Fund III L.P	167,000,000,000	
Vietnam Growth Investment Fund L.P	140,000,000,000	
Chi phí phát hành trái phiếu	(8,479,969,698)	
Cộng	1,601,695,145,747	657,441,202,296

Công ty có khả năng trả được các khoản vay dài hạn.

(i) Vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng theo các hợp đồng sau:

Hợp đồng vay	Mục đích vay/Hạn mức	Thời hạn	Tài sản đảm bảo
Hợp đồng 012021/HĐCV/VCB-XDHA ngày 09/4/2021	mua tàu biển Hải An West, số tiền 84.378.240.000 VND	60 tháng	tàu Hải An West
Hợp đồng 01.2022/HĐCV/VCB-XDHA ngày 25/03/2022	đầu tư dự án tàu container Marine Bía (Hải An City), số tiền 341.950.000.000 VND	60 tháng	tàu Hải An City
Hợp đồng 02.2022/HĐCV/VCB-XDHA ngày 08/11/2022	đầu tư dự án tàu container A Kibo (Hải An Rose), số tiền 280.000.000.000 VND	60 tháng	tàu Hải An Rose
Hợp đồng 01.2023/HĐCV/VCB-XDHA ngày 12/12/2023	Đầu tư Dự án đóng mới tàu container thân tàu số HCY-265 (Hải An Alfa), số tiền 333.788.000.000 VND	96 tháng	tàu Hải An Alfa
Hợp đồng 01.2024/HĐCV/VCB-XDHA Ngày 06/11/2024	Đầu tư Dự án tàu container Toro (Hải An Gama), số Tiền 311.866.500.000 VND	60 tháng	tàu Hải An Gama

Thời gian ân hạn vay Hải An West, Hải An City, Hải An Rose, Hải An Alfa là 6 tháng, Hải An Gama là 3 tháng kể từ ngày tiếp theo ngày giải ngân vốn vay lần đầu.

Các khoản vay có lịch trả nợ gốc và lãi 03 tháng/lần sau thời gian ân hạn quy định trong hợp đồng tín dụng.

(ii) Vay Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam) - Chi nhánh Hà Nội theo hợp đồng sau:

Hợp đồng vay	Mục đích vay/Hạn mức	Thời hạn	Tài sản đảm bảo
Hợp đồng VHN352782CM Ngày 08/07/2024	Đầu tư dự án tàu container thân Tàu số HCY- 268 (Hải An Opus), Số tiền 414.300.000.000 VND	48 tháng	tàu Hải An Opus

Thời gian ân hạn 6 tháng kể từ ngày tiếp theo ngày giải ngân vốn vay lần đầu. Các khoản vay có lịch trả nợ gốc và lãi 03 tháng/lần sau thời gian ân hạn quy định trong hợp đồng tín dụng.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2024

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

(iii) Trong kỳ, Công ty đã phát hành trái phiếu chuyển đổi cho một số nhà đầu tư để đầu tư đóng tàu mới phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 0206-2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20 tháng 06 năm 2023. Trái phiếu chuyển đổi của Công ty là trái phiếu có thể chuyển đổi thành một lượng cổ phiếu không xác định tại ngày đáo hạn (do phụ thuộc vào giá trị thị trường của cổ phiếu tại ngày đáo hạn). Thông tin chi tiết về trái phiếu chuyển đổi này như sau:

- Thời điểm phát hành	: 02/02/2024
- Kỳ hạn gốc	: 05 năm
- Ngày đáo hạn	: 02/02/2029
- Số lượng trái phiếu phát hành	: 500 trái phiếu
- Mệnh giá	: 1.000.000.000 VND/trái phiếu
- Lãi suất	: 6%/năm
- Tài sản đảm bảo	: Một tàu biển thuộc sở hữu của Công ty TNHH Vận tải Container Hải An – Công ty con của tổ chức phát hành theo Giấy chứng nhận đăng ký tàu biển số HP-CON-002314-2 ngày 04/7/2017 do Chi cục hàng hải Việt Nam cấp. Tổ chức phát hành cam kết sử dụng một tàu đóng mới thuộc sở hữu của tổ chức phát hành hình thành trong tương lai, được HAH đặt đóng mới theo Hợp đồng đóng tàu số HC2021-19 ký ngày 04/8/2021 giữa HAH và Huanghai Shipbuilding Co.,Ltd (gọi tắt là Tàu HCY-266) làm tài sản bảo đảm hình thành trong tương lai để thay thế cho tài sản bảo đảm tại ngày phát hành ngày sau khi tàu HCY-266 đủ điều kiện đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Từ 1 năm trở xuống	319,586,748,099	179,218,191,102
Trên 1 năm đến 5 năm	1,517,165,945,747	530,647,402,296
Trên 5 năm	84,529,200,000	126,793,800,000
Cộng	1,921,281,893,846	836,659,393,398

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn	Phân bổ chi phí phát hành Trái phiếu	Số cuối kỳ
Vay dài hạn ngân hàng	657,441,202,296	780,620,923,544	(4,424,666,250)	(323,462,344,145)	-	1,110,175,115,445
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng	652,409,632,296	311,866,500,000	(1,908,886,250)	(237,406,484,046)	-	724,960,762,000
Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam), Chi nhánh Hà Nội		468,754,423,544		(83,540,070,099)		385,214,353,445
Ngân hàng TMCP Bảo Việt - Hội sở chính	5,031,570,000		(2,515,780,000)	(2,515,790,000)		
Trái phiếu chuyển đổi dài hạn		489,616,363,636			1,903,666,666	491,520,030,302
Công ty TNHH Quản lý quỹ SSI		80,000,000,000				80,000,000,000
Daiwa - Ssiam Vietnam Growth Fund III L.P		113,000,000,000				113,000,000,000
Japan South East Asia Finance Fund III L.P		167,000,000,000				167,000,000,000
Vietnam Growth Investment Fund L.P		140,000,000,000				140,000,000,000
Chi phí phát hành trái phiếu		(10,383,636,364)			1,903,666,666	(8,479,969,698)
Cộng	657,441,202,296	1,270,237,287,180	(4,424,666,250)	(323,462,344,145)	1,903,666,666	1,601,695,145,747

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2024

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

18. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng do trích lập từ lợi nhuận</u>	<u>Chi quỹ trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	51,189,743,813	19,717,000,000	(22,772,904,822)	48,133,838,991
Quỹ Hội đồng quản trị	34,066,244,434	14,788,000,000	(11,875,200,000)	36,979,044,434
Cộng	<u>85,255,988,247</u>	<u>34,505,000,000</u>	<u>(34,648,104,822)</u>	<u>85,112,883,425</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2024

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**19. Vốn chủ sở hữu****19a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	703,446,670,000	191,640,648,159	-	352,405,070,809	674,702,801,117	1,922,195,190,085
Tăng vốn trong năm						
Chia cổ tức bằng cổ phiếu	351,722,140,000				(351,722,140,000)	
Lợi nhuận trong kỳ trước				202,411,000,000	419,595,688,524	419,595,688,524
Trích quỹ trong kỳ					(249,640,000,000)	(47,229,000,000)
Chia cổ tức bằng tiền						
Số dư cuối kỳ trước	1,055,168,810,000	191,640,648,159		554,816,070,809	492,936,349,641	2,294,561,878,609
Số dư đầu năm nay	1,055,168,810,000	191,640,648,159	-	554,816,070,809	492,936,349,641	2,294,561,878,609
Chia cổ tức bằng cổ phiếu	158,262,100,000				(158,262,100,000)	
Lợi nhuận trong kỳ này					499,392,809,824	499,392,809,824
Trích quỹ trong kỳ				147,881,000,000	(182,386,000,000)	(34,505,000,000)
Chia cổ tức						
Số dư cuối kỳ này	1,213,430,910,000	191,640,648,159		702,697,070,809	651,681,059,465	2,759,449,688,433

19b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vốn góp của Chủ sở hữu	1,213,430,910,000	1,055,168,810,000
Thặng dư vốn cổ phần	191,640,648,159	191,640,648,159
Cộng	1,405,071,558,159	1,246,809,458,159

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2024

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

19c. Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	121,343,091	105,516,881
Số lượng cổ phiếu đã phát hành/bán ra công chúng	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	121,343,091	105,516,881
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	121,343,091	105,516,881
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

19d. Phân phối lợi nhuận

Trong kỳ Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị Quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 số 0204-2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 04 năm 2024 như sau:

	VND
· Chia cổ tức cho các cổ đông bằng cổ phiếu từ nguồn LNST (15%) (*)	158,275,321,500
· Trích quỹ đầu tư phát triển (30% Lợi nhuận sau thuế)	147,881,000,000
· Trích quỹ Hội đồng quản trị (3% Lợi nhuận sau thuế)	14,788,000,000
· Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (4% Lợi nhuận sau thuế)	19,717,000,000

(*) Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 đã thông qua quyết định trả cổ tức năm 2023 là 15% cổ tức bằng cổ phiếu, tỷ lệ thực hiện quyền là 100:15. Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành thêm để trả cổ tức là 15.827.532 cổ phiếu.

Ngày 06 tháng 05 năm 2024, Hội đồng quản trị Công ty đã ban hành Nghị quyết số 0205-2024/NQ-HĐQT thông qua việc tiến hành các thủ tục để thực hiện chi trả cổ tức bằng cổ phiếu năm 2023. Theo thông báo số 1136/TB-SGDHCM của Sở Giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh ngày 11 tháng 06 năm 2024, ngày giao dịch không hưởng quyền là 21 tháng 06 năm 2024, ngày đăng ký cuối cùng là ngày 24 tháng 06 năm 2024.

20. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

Ngoại tệ các loại

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Dollar Mỹ (USD)	7,115,591.66	528,620.77
Euro (EUR)	40.54	40.54

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	Quý 4 năm nay	Quý 4 năm trước
Doanh thu hoạt động khai thác tàu	386,466,061,334	179,748,317,339
Doanh thu hoạt động khai thác cảng	129,618,530,218	90,899,629,855
Doanh thu hoạt động khác	16,815,722,747	14,944,451,507
Cộng	532,900,314,299	285,592,398,701

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2024

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Ngoài các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các công ty con, công ty liên kết được trình bày ở thuyết minh số V.2b, Công ty còn phát sinh các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan không phải là công ty con, công ty liên kết như sau

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa Phương Thức	277,611,946	757,535,195
Chi nhánh Công ty TNHH Vận tải và Đại lý vận tải Đa phương thức tại Hải Phòng	3,385,648,037	2,482,644,890

2. Giá vốn hàng bán

	Quý 4 năm nay	Quý 4 năm trước
Giá vốn của hoạt động khai thác tàu	148,252,130,898	123,926,852,104
Giá vốn của hoạt động khai thác cảng	66,061,471,070	49,630,833,432
Giá vốn của hoạt động khác	7,698,056,538	9,681,423,099
Cộng	222,011,658,506	183,239,108,635

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Quý 4 năm nay	Quý 4 năm trước
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	2,302,934,498	3,135,117,809
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	400,175,568	20,175,835
Lãi tiền cho vay	100,511,111	861,104,574
Cổ tức, lợi nhuận được chia	8,015,917,285	2,744,327,891
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	1,242,978,628	(43,676,126)
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	(616,322,869)	(1,539,896,288)
Cộng	11,446,194,221	5,177,153,695

4. Chi phí tài chính

	Quý 4 năm nay	Quý 4 năm trước
Chi phí lãi vay	25,036,739,519	9,059,325,790
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	633,969,413	1,567,461,525
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	(5,549,539,162)	
Hoàn nhập/ dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn	(22,537,549,018)	(3,109,594,939)
Phân bổ chi phí phát hành trái phiếu	519,181,818	
Cộng	(1,897,197,430)	7,517,192,376

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Quý 4 năm nay	Quý 4 năm trước
Chi phí cho nhân viên	3,979,293,459	4,938,340,699
Chi phí vật liệu quản lý	101,368,288	116,428,085
Chi phí khấu hao tài sản cố định	376,498,731	354,586,755
Dự phòng/ Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	38,000,000,000	
Thuế, phí và lệ phí	19,273,925	16,112,714
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1,101,380,581	802,273,454
Các chi phí khác	10,578,610,887	2,182,563,065
Cộng	54,156,425,871	8,410,304,772

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2024

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

6. Thu nhập khác

	<u>Quý 4 năm nay</u>	<u>Quý 4 năm trước</u>
Xử lý công nợ	-	26,487,279
Thu nhập khác	682,167,761	(699,279,329)
Cộng	682,167,761	(672,792,050)

7. Chi phí khác

	<u>Quý 4 năm nay</u>	<u>Quý 4 năm trước</u>
Phạt lĩnh vực hành chính	(92,641,456)	
Thuế bị phạt, bị truy thu	1,926,771	2,366,580
Chi phí khác	192,834,752	14,573,139
Cộng	102,120,067	16,939,719

8. Lãi trên cổ phiếu

Thông tin về lãi trên cổ phiếu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	194,542,576,976	144,276,514,407
Chi phí nhân công	107,876,555,873	73,984,311,342
Chi phí khấu hao tài sản cố định (i)	243,009,399,846	162,218,965,474
Chi phí dịch vụ mua ngoài	236,135,495,886	191,096,324,149
Chi phí khác	170,279,568,156	102,894,699,277
Cộng	951,843,596,737	674,470,814,649

	<u>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
(i) Khấu hao TSCĐ do Công ty quản lý và sử dụng	307,601,266,699	207,531,252,957
Chi phí khấu hao hoạt động BCC phân chia cho các đơn vị	(99,698,171,339)	(78,012,819,095)
Chi phí khấu hao hoạt động BCC nhận phân bổ	35,106,304,486	32,700,531,612
Cộng	243,009,399,846	162,218,965,474

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2024

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày tại các thuyết minh số V.6a và V.16a.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

		Tiền lương	Tiền thưởng	Thù lao	Cộng
Ông Vũ Thanh Hải	Chủ tịch HĐQT	1,772,760,000	1,665,733,966	120,000,000	3,558,493,966
Ông Nguyễn Ngọc Tuấn	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	1,375,320,000	1,448,031,591	120,000,000	2,943,351,591
Ông Phạm Quang Khánh	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc		50,000,000	120,000,000	170,000,000
Ông Vũ Doãn Hạnh	Phó Tổng Giám đốc	925,800,000	764,172,935		1,689,972,935
Bà Trần Thị Thanh Hào	Kế toán trưởng	715,560,000	715,216,334		1,430,776,334
Bà Trần Thị Hải Yến	Thành viên HĐQT		90,000,000	120,000,000	210,000,000
Ông Trần Tiến Dũng	Thành viên HĐQT		50,000,000	100,000,000	150,000,000
Ông Nguyễn Đức Kiên	Thành viên HĐQT		50,000,000	120,000,000	170,000,000
Ông Nguyễn Văn Trúc	Thành viên HĐQT		50,000,000	120,000,000	170,000,000
Ông Lê Anh Minh	Thành viên HĐQT			20,000,000	20,000,000
Ông Trần Quang Tiến	Thành viên HĐQT		50,000,000		50,000,000
Bà Nguyễn Thị Vân	Thành viên HĐQT		51,000,000		51,000,000
Bà Nguyễn Thị Thanh Tú	Trưởng BKS	60,000,000	176,089,000	60,000,000	296,089,000
Bà Trần Thị Thơm	Thành viên BKS		37,000,000	60,000,000	97,000,000
Ông Bùi Việt Phương	Thành viên BKS		18,000,000	50,000,000	68,000,000
Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Thành viên BKS			10,000,000	10,000,000
Ông Nguyễn Xuân Lộc	Thành viên BKS		18,000,000		18,000,000
Cộng		4,849,440,000	5,233,243,826	1,020,000,000	11,102,683,826

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ trước

Ông Vũ Ngọc Sơn	Nguyên Chủ tịch HĐQT	1,658,904,615	2,355,945,940	120,000,000	4,134,850,555
Ông Vũ Thanh Hải	Chủ tịch HĐQT	1,537,720,000	1,126,867,406	120,000,000	2,784,587,406
Ông Nguyễn Ngọc Tuấn	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	608,050,000	698,690,600	120,000,000	1,426,740,600
Ông Phạm Quang Khánh	Thành viên HĐQT/ Phó Tổng giám đốc		100,000,000		100,000,000
Ông Vũ Doãn Hạnh	Phó Tổng Giám đốc	924,570,000	455,690,609		1,380,260,609
Bà Trần Thị Thanh Hào	Kế toán trưởng	643,531,489	327,354,088		970,885,577
Ông Trần Quang Tiến	Thành viên HĐQT		290,000,000	120,000,000	410,000,000
Bà Trần Thị Hải Yến	Thành viên HĐQT		290,000,000	120,000,000	410,000,000
Bà Nguyễn Thị Vân	Thành viên HĐQT		290,000,000	120,000,000	410,000,000
Bà Nguyễn Thị Thanh Tú	Trưởng Ban kiểm soát		104,000,000	60,000,000	164,000,000
Bà Trần Thị Thơm	Thành viên Ban kiểm soát		66,000,000	60,000,000	126,000,000
Ông Nguyễn Xuân Lộc	Thành viên Ban kiểm soát		66,000,000	60,000,000	126,000,000
Cộng		5,372,776,104	6,170,548,643	900,000,000	12,443,324,747

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2024

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty TNHH Cảng Hải An	Công ty con
Công ty TNHH Vận tải Container Hải An	Công ty con
Công ty TNHH Pan Hải An	Công ty con
Công ty TNHH Liên doanh Zim Hải An	Công ty con
Công ty cổ phần dịch vụ Cảng Lưu Nguyên Cái Mép	Công ty con
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An	Công ty liên kết
Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Hải An	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH Một thành viên quản lý Hàng Hải Hải An	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà	Cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Vận tải HAFT	Công ty con của Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Vận tải biển An Biên	Công ty liên kết của Công ty con
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa Phương Thức	Cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty TNHH "K" Line Logistics (Việt Nam)	Cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty cổ phần đầu tư Con Cưng	Cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty cổ phần quản lý và khai thác kho lạnh DKP	Cùng thành viên quản lý chủ chốt

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch phát sinh với công ty con, công ty liên kết trình bày ở thuyết minh số V.2b cũng như các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác không phải là công ty con, công ty liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Công ty còn phát sinh các giao dịch khác với các bên liên quan khác như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ	
	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Vận tải biển An Biên		
Công ty liên kết chi trả lợi nhuận	51,624,106,841	919,276,294
Chia lợi nhuận BCC cho Công ty liên kết	858,621,802	52,288,383,135
Nhận lợi nhuận BCC từ Công ty liên kết	55,981,827,834	25,000,000,000
Vay bên liên quan		25,000,000,000
Trả gốc vay bên liên quan		287,671,233
Lãi vay phải trả bên liên quan		
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà		
Chi phí cho thuê văn phòng và sử dụng dịch vụ của bên liên quan	2,651,018,731	2,601,851,790
Chia cổ tức cho bên liên quan		
Nhận vốn góp theo hợp đồng BCC	52,173,000,000	
HATS chi trả lãi BCC	40,949,477,485	
Chia lợi nhuận BCC	25,319,206,273	34,598,762,976
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa Phương Thức		
Bên liên quan sử dụng dịch vụ	277,611,946	
Chia cổ tức cho bên liên quan		
Nhận vốn góp theo hợp đồng BCC		
Chia lợi nhuận BCC cho Công ty liên kết	17,056,999,506	25,958,959,237
HATS chi trả lãi BCC	25,958,959,237	
Chi nhánh tại TP Hồ Chí Minh-Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa Phương Thức		
Cung cấp dịch vụ cho công ty liên kết	111,016,668	
Sử dụng dịch vụ khai thác cảng	128,181,831	130,909,098

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2024

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Á D.C		
Chia lợi nhuận BCC	2,147,594,005	2,299,303,652
Chi trả lợi nhuận BCC	2,299,303,652	
Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An (HAAL)		
Bên liên quan sử dụng dịch vụ	7,605,717,447	6,149,644,950
Sử dụng dịch vụ khai thác cảng từ bên liên quan		1,435,000
Chi trả lợi nhuận BCC	5,932,312,746	
Nhận vốn góp theo hợp đồng BCC từ bên liên quan		25,419,240,000
Chia lợi nhuận BCC	7,487,477,911	5,932,312,746
Công ty cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Hải An (HAGS)		
HATS cung cấp dịch vụ cho HAGS	175,558,775	
Sử dụng dịch vụ của HAGS	6,910,600,553	4,955,601,286

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.4, V.6, V.12 và V.16.

2. Thông tin về bộ phận

Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

2a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực 1: Hoạt động khai thác tàu.
- Lĩnh vực 2: Hoạt động khai thác cảng.
- Lĩnh vực 3: Hoạt động khác (gồm vận tải đường bộ, dịch vụ đại lý, cho thuê tài sản...).

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	<u>Hoạt động khai thác tàu</u>	<u>Hoạt động khai thác cảng</u>	<u>Các lĩnh vực khác</u>	<u>Cộng</u>
Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	1,060,249,436,531	452,636,411,444	58,181,860,450	1,571,067,708,425
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận				
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1,060,249,436,531	452,636,411,444	58,181,860,450	1,571,067,708,425
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	467,514,676,979	210,683,081,541	25,016,808,057	703,214,566,577
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(83,990,454,889)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				619,224,111,688
Doanh thu hoạt động tài chính				37,820,625,193
Chi phí tài chính				(48,648,251,167)
Thu nhập khác				3,912,914,440
Chi phí khác				(3,141,313,269)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(109,775,277,061)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				499,392,809,824
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	2,007,288,409,723	25,019,565,125	176,593,031	2,032,484,567,879

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2024

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	312,229,555,639	28,772,166,041	3,897,788,131	344,899,509,811
Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ trước				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	783,804,142,327	320,829,169,605	70,361,753,561	1,174,995,065,493
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận				
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	783,804,142,327	320,829,169,605	70,361,753,561	1,174,995,065,493
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	360,449,452,710	147,800,377,249	22,522,049,273	530,771,879,232
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(30,247,628,388)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				500,524,250,844
Doanh thu hoạt động tài chính				54,342,387,890
Chi phí tài chính				(54,489,737,958)
Thu nhập khác				851,937,855
Chi phí khác				(550,304,492)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(81,082,845,615)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				419,595,688,524
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	697,999,407,618	55,035,434,544	3,127,890,000	756,162,732,162
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	207,325,001,501	27,767,835,448	5,659,963,376	240,752,800,325

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Hoạt động khai thác tàu	Hoạt động khai thác cảng	Các lĩnh vực khác	Cộng
Số cuối kỳ				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	4,235,884,315,421	345,365,369,670	131,265,189,320	4,712,514,874,411
Tài sản phân bổ cho bộ phận				
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				1,123,985,767,181
Tổng tài sản				5,836,500,641,592
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	2,789,613,151,005	63,605,121,265	35,655,813,425	2,888,874,085,695
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận				
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				188,176,867,464
Tổng nợ phải trả				3,077,050,953,159
Số đầu năm				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	3,142,069,109,987	218,922,628,295	156,440,654,936	3,517,432,393,218
Tài sản phân bổ cho bộ phận				
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				689,099,286,387
Tổng tài sản				4,206,531,679,605

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2024

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	<u>1,622,454,608,368</u>	<u>33,356,751,530</u>	<u>81,240,464,284</u>	1,737,051,824,182
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận				
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				<u>174,917,976,814</u>
Tổng nợ phải trả				<u>1,911,969,800,996</u>

2b. Thông tin về khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty chủ yếu diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán cần phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính Quý IV.

Người lập biểu

Vũ Thị Thu Hằng

Kế toán trưởng

Trần Thị Thanh Hào

Lập ngày 24 tháng 01 năm 2025

Tổng Giám đốc



Nguyễn Ngọc Tuấn